

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05/01/2023
V/v “Tranh chấp xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Mỹ Hương.
2. Bà Phan Hoàng Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh A tham gia phiên tòa:
Ông Võ Phan Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 403/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 477/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 457/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Loan P, sinh năm 1998.

Địa chỉ: số 274/5, tổ 9, ấp Mỹ An 2, xã MHH, thành phố L, tỉnh A (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Thái Văn S, sinh năm 1990.

Địa chỉ: tổ 13, ấp MH, xã MHH, thành phố L, tỉnh A (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 16/09/2022, đơn tự khai về việc xin ly hôn ngày 16/09/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Loan P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Bà Bùi Thị Loan P và ông Thái Văn S tự tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 151 ngày 16/11/2017 do Ủy ban nhân dân xã MHH, thành phố L, tỉnh A chứng nhận bà P và ông S là vợ chồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng. Nay, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà P yêu cầu Tòa án

xem xét cho bà được ly hôn với ông S. Bản thân ông S biết bà P thực hiện thủ tục ly hôn tại Tòa án nhưng ông không quan tâm, không thay đổi tính tình và không yêu thương vợ con.

Về quan hệ con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà P và ông S có hai con chung tên Thái Đức, sinh ngày 06/02/2018 và Thái Thị Kim N, sinh ngày 19/04/2020. Hiện nay, hai con chung đang sống chung với bà P nên yêu cầu trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung. Bà P không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung, bà P tạo điều kiện thuận lợi cho ông S trong việc chăm sóc con chung.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà P yêu cầu tự thỏa thuận với ông S nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án ông Thái Văn S vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bà Bùi Thị Loan P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông Thái Văn S vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến, tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh A:

Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách đương sự, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: Nguyên tắc xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của đương sự tại phiên tòa, sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa. Đối với nguyên đơn bà P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Riêng bị đơn ông S vắng mặt không đến Tòa án giải quyết là không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của ông và phải chịu hậu quả theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án xét thấy:

Về hôn nhân và gia đình: Quá trình giải quyết Tòa án tiến hành hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân của bà P và ông S nhưng ông S vắng mặt, không có ý kiến trình bày, bà P cương quyết ly hôn. Xét mâu thuẫn giữa ông bà đi đến trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà P là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Bà Bùi Thị Loan P và ông Thái Văn S có hai con chung tên Thái Đ sinh ngày 06/02/2018 và Thái Thị Kim Ngân, sinh ngày 19/04/2020, hiện bà P đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông S cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Loan P với ông Thái Văn S, bà P được ly hôn với ông S. Về con chung: Giao hai con chung cho bà P trực tiếp nuôi dưỡng, các thành viên trong gia đình không được cản trở ông S trong việc trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung. Về tài sản và nợ chung không yêu cầu nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị Loan P và ông Thái Văn S có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 151 ngày 16/11/2017 do Ủy ban nhân dân xã MHH, thành phố L, tỉnh A cấp. Bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông S; ông S cư trú tại xã MHH, thành phố L, tỉnh A nên căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà P và ông S là tranh chấp ly hôn và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên Tòa bà Bùi Thị Loan P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Thái Văn S vắng mặt, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông S không đến Tòa án và vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông S.

[3] Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án: Bà Bùi Thị Loan P và ông Thái Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện của cả hai, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã MHH, thành phố L, tỉnh A theo giấy chứng nhận kết hôn số 151 ngày 16/11/2017, được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay, bà P và ông S phát sinh mâu thuẫn, bà P xin ly hôn nên Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Trong quan hệ hôn nhân và gia đình của bà P và ông S sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng sống chung hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, không còn tình cảm, yêu thương, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn lời qua tiếng lại với nhau. Trong thời gian giải quyết bà P luôn tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng, hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông S.

[5] Xét, hôn nhân giữa bà P và ông S phát sinh nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, thực hiện các công việc trong gia đình, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Hiện nay, bà P không còn tình cảm với ông S, không yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ khó khăn trong cuộc sống và chăm lo hạnh phúc gia đình. Trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, ông S vắng mặt, không trình ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P tức là ông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của ông đã được pháp luật quy định nên không có căn cứ xét yêu cầu của ông S. Do đó, chấp nhận yêu cầu của bà P được ly hôn với ông S.

[6] Về quan hệ con chung: Bà Bùi Thị Loan P và ông Thái Văn S có hai con chung tên Thái Đ, sinh ngày 06/02/2018 và Thái Thị Kim N, sinh ngày 19/04/2020. Hiện cháu Đức và Ngân đang được bà P trực tiếp nuôi dưỡng tốt, có nơi ở ổn định, được học tập tại nơi cư trú nên cần thiết giao cháu Đ và Ng cho bà P nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, bà P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con chung tên Thái Đ, sinh ngày 06/02/2018

và Thái Thị Kim Ng, sinh ngày 19/04/2020. Bà P không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P và ông S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà N nộp tiền án phí 300.000đ, trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí lệ phí tòa án số 0000813, ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A là phù hợp theo quy định pháp luật, bà P đã nộp đủ, ông S không nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 8, 9, 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 179; 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Loan P được ly hôn với ông Thái Văn S.

Về quan hệ con chung: Bà Bùi Thị Loan P và ông Thái Văn S có hai con chung tên Thái Đ, sinh ngày 06/02/2018 và Thái Thị Kim Ng, sinh ngày 19/04/2020. Bà Bùi Thị Loan P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung tên Thái Đức, sinh ngày 06/02/2018 và Thái Thị Kim N, sinh ngày 19/04/2020. Ông S không cấp dưỡng nuôi các con chung do bà P không yêu cầu, bà P phải tạo điều kiện thuận lợi cho ông S trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung, việc nuôi con chung không cố định.

Về quan hệ tài sản chung: Bà Bùi Thị Loan P và ông Thái Văn S tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị Loan P nộp số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000813 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh A.

Bà Bùi Thị Loan P và ông Thái Văn S được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của bà P, ông S.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Phương